TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị Cẩm T , sinh ngày 23/12/1997, nơi cư trú: xã B , huyện C , tỉnh An Giang (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Ju Ho H , sinh ngày 26/3/1982, nơi cư trú: Hàn Quốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Cao Thị Cẩm T trình bày:

Bà và ông H quen nhau giữa năm 2017 được 05 tháng tìm hiểu nhau sau đó đi đến hôn nhân vào ngày 12/12/2017 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 06/3/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện C , tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn, vào ngày 09/3/2018 ông H về Hàn Quốc và bà mất liên lạc với ông H từ đó đến nay đã hơn 5 tháng. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không còn. Nay, bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H .

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông H đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhưng đến nay ông H vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông H , sinh ngày 26/3/1982, hiện tại đang cư trú tại Hàn Quốc, nguyên đơn bà Cao Thị Cẩm T , sinh ngày 23/12/1997, cư trú: xã B , huyện C , tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa.

Bị đơn ông H đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhưng đến nay ông H vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Cao Thị Cẩm Tiên và ông H quen nhau giữa năm 2017 được 05 tháng tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân ngày 12/12/2017 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 06/3/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện C , tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của nguyên đơn thừa nhận về tình cảm của vợ chồng không được vun đắp và ngày càng trở nên phai nhạt do hoàn cảnh địa lý cách xa, không có điều kiện chung sống nên nguyên đơn có yêu cầu ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông H không đạt được nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà đối với ông H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà Cao Thị Cẩm T xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông H trong thời kỳ

hôn nhân thì bà Cao Thị Cẩm T và ông H phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Cẩm T ;

1. Bà Cao Thị Cẩm T được ly hôn với ông H .

Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Cao Thị Cẩm T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Cao Thị Cẩm T và ông H trong thời kỳ hôn nhân thì bà Cao Thị Cẩm T và ông H phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Cao Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0009988 ngày 27/8/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Cao Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng khác gồm chi phí thực tế và lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Cao Thị Cẩm T phải chịu 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002726 ngày 24/9/2018 và AA/2016/0007458 ngày 04/9/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Cao Thị Cẩm T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Thời hạn kháng cáo của bà Cao Thị Cẩm T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông H là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân nhân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – THA;
- Tòa Hôn nhân và Người chưa thành niên;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Vũ